

GIÁ TRỊ CỦA CÁC BIỂU THỨC CHIẾU VẬT “KÌ VẬT”, “KÌ TÀI” – “KÌ NHÂN” TRONG TẬP TRUYỆN “VANG BÓNG MỘT THỜI” CỦA NGUYỄN TUÂN

Nguyễn Thị Thu Nga, Nguyễn Hoàng My
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết sử dụng lý thuyết chiếu vật (*Refrence Theory*) của Ngữ dụng học (*Pragmatics*) để tìm hiểu các biểu thức chiếu vật “kì vật”, “kì tài” – “kì nhân” trong tập truyện “Vang bóng một thời” của nhà văn Nguyễn Tuân. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tập truyện đã sử dụng 293 biểu thức chiếu vật với ba phương thức chính: chiếu vật tên riêng, chiếu vật miêu tả, chiếu vật chỉ xuất nhân xưng. Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy, để đưa những nét đẹp xưa cũ vào những trang văn, Nguyễn Tuân đã sử dụng rất đa dạng các phương thức chiếu vật với chất liệu cấu thành là một hệ thống từ ngữ phong phú, mới lạ. Những biểu thức chiếu vật này làm cho nền văn hoá xưa cũ đã từng một thời vang bóng hiện lên vô cùng rõ nét từ những góc nhìn khác nhau, tạo nên một thế giới toàn mỹ, thanh cao, nuối tiếc những cái đẹp đã phai mờ. Không chỉ thế, những biểu thức chiếu vật còn thể hiện cách sử dụng ngôn ngữ đầy tài hoa, độc đáo của nhà văn Nguyễn Tuân.

Từ khoá: Biểu thức chiếu vật, ngữ dụng học, Vang bóng một thời.

Nhận bài ngày 10.11.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.12.2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Nga; email: nttnga@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để cấu tứ nên một tác phẩm văn học, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng như những viên gạch hình thành nên một ngôi nhà. Cũng tương tự, những nhà văn, nhà thơ cũng giống như những người thợ xây cần mẫn ngày đêm thi công nên những kiệt tác với “chất liệu” là vô vàn các dạng thức ngôn ngữ khác nhau. Nghiên cứu về tính đa dạng của những “viên gạch” được sử dụng để đưa hình ảnh đời thật vào trong văn học, chúng ta không thể bỏ qua phương thức chiếu vật – một trong những công cụ đắc lực để vừa tạo dựng một cách chính xác nhất hình tượng văn học, vừa lồng ghép được tình cảm tác giả và thể hiện được cái tài của người nghệ sĩ cầm bút ấy. Bài viết này trình bày một trường hợp nghiên cứu: sử dụng Lý thuyết Chiếu vật (*Refrence Theory*) để tìm hiểu, giải mã phong cách ngôn ngữ của một nhà văn “cả đời đi tìm cái đẹp” – nhà văn Nguyễn Tuân.

Chiếu vật được coi là vấn đề dụng học đầu tiên, là hành vi người nói sử dụng các biểu thức ngôn ngữ để đưa “vật” từ thực tại vào trong diễn ngôn. Đặt dưới góc nhìn của văn học, việc tìm hiểu, nghiên cứu về hành vi chiếu vật trong tác phẩm văn học có rất nhiều ý nghĩa, bởi thông qua hình ảnh “vật” được đưa vào trong tác phẩm, những ẩn ý, tình cảm, tư tưởng và cả cá tính riêng biệt của tác giả sẽ được thể hiện rất rõ, đi kèm với những khám phá mới về sự đa dạng, phong phú, giàu có của ngôn ngữ Tiếng Việt. Khám phá về nét đẹp ngôn từ và cả nét đẹp về văn hoá – nghệ thuật, “Vang bóng một thời” nói riêng và ngòi bút của nhà văn Nguyễn Tuân nói chung chính là một ví dụ đầy sức thuyết phục, cũng là một trường hợp không thể không lưu tâm đến việc giải mã các biểu thức chiếu vật được sử dụng như một phương tiện hữu hiệu để xây dựng hình tượng nghệ thuật mà trong đó, những hình

tượng về con người, về đồ vật và về nét tài hoa được xây dựng hết sức đa dạng và đặc sắc dưới góc nhìn chiếu vật.

2. NỘI DUNG

2.1. Lý thuyết chiếu vật

a. Khái niệm chiếu vật

Theo tác giả Đỗ Hữu Châu, có thể hiểu rằng mối quan hệ giữa một diễn ngôn với các bộ phận tạo nên ngữ cảnh của nó được gọi là *sự chiếu vật* [5, tr.186]. Đây cũng là dấu hiệu đầu tiên thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa hoàn cảnh giao tiếp với diễn ngôn [9, tr.2].

Như vậy, một diễn ngôn, hay một biểu thức ngôn ngữ có chức năng chiếu vật (tức là có thể khiến người nhận diện được một sự vật bằng biểu thức ngôn ngữ đó), phải là một biểu thức có chứa một sự vật thuộc thế giới khả hữu (*possible world*). Vì sự chiếu vật luôn phải đi kèm tiền đề là sự nhận thức và kinh nghiệm trực tiếp của ta về sự vật trong thế giới vật chất đang được nhắc đến, mà các yếu tố ngôn ngữ dùng để chiếu vật thì lại có tính vô đoán; bởi vậy, chúng cần phải được gắn với ngữ cảnh để nhận diện. Chiếu vật bao gồm biểu thức chiếu vật, nghĩa chiếu vật và quan hệ chiếu vật (là mối quan hệ giữa biểu thức chiếu vật và nghĩa chiếu vật trong một hoàn cảnh nhất định).

b. Các phương thức chiếu vật

Có một câu hỏi được đặt ra trong [4, tr.198]: căn cứ vào những đâu mà người nhận có thể xác định được sự vật – nghĩa chiếu vật của một biểu thức chiếu vật? Nhiều nghiên cứu nền móng của Ngữ dụng học tuy chỉ ra nhiều phương pháp khác nhau, nhưng đều dựa vào một nhận định chung: cần phải dựa vào những “manh mối” mà người phát phát ra để truy tìm nghĩa chiếu vật từ các biểu thức chiếu vật nghe / đọc được. Như vậy, cách thức mà người phát dựa vào đó để xây dựng nên biểu thức ngôn ngữ chiếu vật được gọi là phương thức chiếu vật [8, tr.31].

Theo phần lớn các công trình nghiên cứu về chiếu vật tại Việt Nam, có ba phương thức chiếu vật chính như sau: dùng tên riêng, dùng miêu tả xác định và dùng chỉ xuất.

2.2. Quan niệm về “kì vật”, “kì tài” – “kì nhân”

Quan niệm về *kì vật*, chúng tôi cho rằng *kì vật* là *một món đồ, một đồ vật kì lạ, không tầm thường*, đồng thời phải *được con người dành tình cảm hoặc sự đánh giá cho*.

Quan niệm về *kì tài*, tiêu chí để chúng tôi xác định kì tài trong tập truyện “Vang bóng một thời” của Nguyễn Tuân là những hành động tài nghệ, tức là *những hành động của con người thể hiện sự điêu luyện, thành thục trong một lĩnh vực, nghề nghiệp nào đó*.

Định nghĩa về *kì nhân*, chúng tôi đưa ra đặc điểm của kì nhân là có “tính biểu diễn”. Bất kể thân phận, bối cảnh và lĩnh vực nghệ thuật của nhân vật đó là gì, chỉ cần hành động, cử chỉ và con người của họ xuất hiện tính biểu diễn – tức là tính thẩm mỹ và tính điêu luyện – nhân vật đó là một *kì nhân*.

Theo kết quả thống kê qua 10 tác phẩm thuộc tập truyện “Vang bóng một thời”, có tổng cộng 293 biểu thức chiếu vật được sử dụng với các phương thức chiếu vật khác nhau: chiếu vật tên riêng (62 biểu thức), chiếu vật bằng biểu thức miêu tả (178 biểu thức), chiếu vật chỉ xuất (53 biểu thức).

2.2. Giá trị của các biểu thức chiếu vật “kì vật”, “kì tài” – “kì nhân” trong tập truyện “Vang bóng một thời”

2.2.1. Xét trên bình diện ngữ nghĩa

a. Với phương thức chiếu vật tên riêng

“Kì nhân” là phạm trù được sử dụng bằng biểu thức tên riêng nhiều nhất.

Đối với thành phần danh từ riêng, một trong những công dụng về nghĩa mà chúng đem lại là hỗ trợ người đọc nhận diện những đặc điểm của đối tượng sở hữu tên riêng đó.

Nguyễn Tuân có một cách đặt tên riêng cho nhân vật, đồ vật hay phi đồ vật một cách rất thú vị, dường như ông không cần khó khăn đi đâu xa kiếm tìm những cái tên hoa mỹ mà chỉ cần lấy luôn những danh từ / tính từ liên quan đến đối tượng để sử dụng. Đa số những tên riêng ông sử dụng đều là những từ có nghĩa hoặc mang một nét nghĩa mơ hồ, như là *Ám*, *Sáu*, *Nghè*, *Tú*, *Phó Sứ*, v.v. và có rất nhiều tên là tên nghề nghiệp, như là *Nghè* (thầy đồ ngày trước), *Phó Sứ* (một chức quan), *Cử* (người đỗ đạt), v.v.

Đối với thành phần phụ đứng trước và sau danh từ riêng, thành phần đứng trước thường là danh từ thân tộc như *ông Sáu*, *ông Huấn*, *mụ Mộng Liên*, *cụ Kép*, *cậu Chiêu*, v.v. (phạm trù “*kì nhân*”) có vai trò làm rõ giới tính, tuổi tác của nhân vật hoặc như *giống Mặc lan*, *cái đèn Triệt giang phò A Đẩu*, *rừng trà Vũ Di Sơn*, v.v. (phạm trù “*kì vật*” và “*kì tài*”) để khoanh vùng chủng loại đối tượng; thành phần đứng sau thường là những từ / cụm / mệnh đề bổ sung thêm thông tin về đặc điểm ngoại hình, hành động, sở thuộc của đối tượng như *ông Lý nhà ta*, *cụ Kép làng Mọc thượng*, *ông bà Phó Sứ giữ lãng*, v.v.

b. Với phương thức chiếu vật miêu tả

Khi được đặt vào ngữ cảnh xác định, tất cả những biểu thức đã được thống kê trên đều là những biểu thức miêu tả xác định, tức là người đọc có thể dễ dàng nhận ra nghĩa chiếu vật của chúng nếu họ được nhìn nhận chúng trong đầy đủ câu văn / đoạn văn chúng xuất hiện, đồng thời đảm bảo hai giá trị về mặt ngữ nghĩa như sau:

(1) Xác định chủng loại đối tượng (ý nghĩa biểu vật)

- Chỉ người: danh từ chỉ quan hệ thân tộc như *cô*, *ông*, *cậu*, *chị*, v.v. danh từ chỉ giới nam / nữ như *người con gái*, *người thiếu nữ*, *một cậu công tử*, v.v.
- Chỉ vật: danh từ chỉ đơn vị kết hợp với danh từ chính như *cái túi thơ*, *cái ấm*, *một thanh quát*, v.v.
- Chỉ phương thức thực hiện: *sự tìm đất*, *cái lối chém đặc biệt*, v.v.

(2) Cá thể hoá đối tượng (ý nghĩa biểu niệm)

Bên cạnh đó, những biểu thức chiếu vật miêu tả còn đóng vai trò rất quan trọng trong việc thể hiện dụng ý của tác giả: tiết lộ những thông tin về đối tượng. Ví dụ:

Và bọn đánh thơ thì uể oải vợ tiên được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đó chữ lấy tiên.

(*Thả thơ* – 29, tr.51)

Trong ví dụ trên, *một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đó chữ lấy tiên* là một biểu thức có thành phần chính là *một cái bóng người* đi kèm với thông tin mang tính cá thể là *đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đó chữ lấy tiên* đứng sau nhằm mục đích tách đối tượng này khỏi những đối tượng khác cùng loại, đồng thời giúp người đọc hiểu chuẩn xác đối tượng được nhắc đến ở đây là nhân vật cô Tú – người biết chơi thơ, chứ không phải cụ Nghè.

c. Biểu thức chiếu vật chỉ xuất nhân xưng

Đối với phương thức chiếu vật bằng chỉ xuất nhân xưng, giá trị của chúng đứng trên mặt ngữ nghĩa để bàn luận chính là giúp người đọc phân biệt đây là lượt nói của nhân vật nào, vai giao tiếp đang rơi vào ai và ngôi giao tiếp của nhân vật đó trong lời thoại là gì. Không những thế, chúng còn có vai trò thể hiện quan hệ liên cá nhân giữa người nói và

người nghe, thể hiện thái độ, tình cảm của các đối tượng giao tiếp, bao gồm cả tác giả và nhân vật khi đặt dưới bối cảnh của câu chuyện.

2.2.2. Xét trên bình diện ngữ dụng

a. Các biểu thức chiếu vật thể hiện cuộc đời, số phận của đối tượng

Đối với phương thức chiếu vật bằng tên riêng, chú ý đến danh từ riêng xuất hiện trong tác phẩm, chúng tôi nhận thấy đa số những cái tên mà Nguyễn Tuân đặt cho nhân vật đều mang ý nghĩa gắn liền với ngành nghề, hoặc biểu lộ con người, tính cách của nhân vật. Việc đặt tên của Nguyễn Tuân nhìn qua dường như chỉ là tùy ý đặt vậy, ấy thế mà lại ẩn chứa dụng ý chiếu vật vô cùng rõ ràng dựa theo những đặc điểm, thông tin về đối tượng, phác họa cuộc đời của những nhân vật ấy ngay từ những cái tên. Lấy một ví dụ cho luận điểm này, trong *Thả thơ*, Nguyễn Tuân lấy luôn nghề nghiệp (quan phủ – cấp bậc phong kiến vốn đi kèm với sự sung túc, giàu sang) của **cụ Phủ** để làm tên cho ông, đồng thời cũng lấy cho cô Tú cái tên **Tú** – cái tên biểu trưng cho diện mạo thanh tú, xinh đẹp để làm tiền đề mà đặt bút viết xuống câu văn: “*Nhưng Ông Giời thích thừa trù đã bắt ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu.*”. Ở phạm trù “kì tài” còn có một tên riêng rất đặc biệt là “*bữa rượu Thạch Lan Hương*”, chỉ cái tên thôi đã bao hàm cả ba hoạt động trong bữa tiệc: ăn kẹo đá cuối bọc mạch nha – **Thạch**, thưởng hoa lan – **Lan** và thưởng thức hương thơm của hoa và rượu – **Hương**. Những cái tên này, bản thân nghĩa mô tả của chúng đã chứa đựng dụng ý chiếu vật rất rõ ràng nên chỉ cần chúng đứng một mình – tức là tách biệt khỏi ngữ cảnh – ta cũng có thể nhận ra được kế hoạch chiếu vật tinh tế mà nhà văn dụng tâm kiến tạo nên.

Đối với phương thức chiếu vật bằng biểu thức miêu tả, trong cả ba phạm trù “kì vật”, “kì tài” – “kì nhân”, những biểu thức miêu tả là phương thức được Nguyễn Tuân tận dụng triệt để nhất để lồng ghép những chi tiết về cuộc đời, số phận nhân vật, hoặc là nhận định của riêng ông về nhân vật dưới góc độ miêu tả. Có những biểu thức chiếu vật được ông lồng ghép đến 32 tiếng: *Cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia thế* (*Thả thơ*), nhà văn đã tận dụng triệt để “không gian” để lồng ghép bằng hết những mô tả về tính cách, số phận, cuộc đời của nhân vật: *tài làm thơ phú, gia sáo vững vàng, hạnh về môn nữ công*. Dĩ nhiên, phải nhìn vào toàn cảnh mới biết ông miêu tả một nhân vật kĩ càng đến mức đầy cao độ phức tạp cấu tạo lên không phải là không có chủ đích, vì ngay câu văn sau, ông viết rằng: “*Nhưng Ông Giời thích thừa trù đã bắt ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu.*”. Vậy là sáng tỏ, ông mô tả cho kĩ cốt là để bóc bạch quan điểm của ông về quy luật cuộc sống đầy sâu sắc. Ngược lại, cũng có những biểu thức miêu tả chỉ có 1 đến 2 tiếng, chẳng hạn như: *Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đui cho vợ gối, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng, nên lão mới thả chữ “cảm”*. (*Đánh thơ*), như để khẳng định, khẳng khít hơn nữa tình cảm vợ chồng và sự gắn bó của nhân vật Mộng Liên và Phó Sứ.

b. Các biểu thức chiếu vật thể hiện vị thế giao tiếp và mối quan hệ giữa các đối tượng

Với phương thức chiếu vật bằng biểu thức miêu tả, mối quan hệ giữa các nhân vật được thể hiện rõ nhất thông qua các định ngữ là danh từ thân tộc, danh từ chỉ chức vụ, danh từ chỉ thứ bậc, v.v. Chẳng hạn như: *Tên tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng* (*Chữ người tử tù*), Nguyễn Tuân đã sử dụng biểu thức **tên tù** để chiếu vật đến nhân vật Huân Cao, cũng là một

biểu thức làm rõ mối quan hệ với các nhân vật khác (quản tù, lính tráng) và vị thế của nhân vật này trong câu chuyện: là một tù nhân, là một kẻ rơi vào vòng lao lí.

Với phương thức chiếu vật chỉ xuất nhân xưng, đại từ xưng hô thể hiện rất rõ vị thế giao tiếp của các nhân vật, chẳng hạn như xưng hô *tôi – ông* thể hiện mối quan hệ ngang hàng, xưng hô *ông – cháu* thể hiện mối quan hệ trên tuổi – dưới tuổi. Trong xã hội cũ còn tồn tại sự phân biệt giai cấp, các đối tượng giao tiếp còn xưng hô theo địa vị xã hội mà không quan tâm đến lớn tuổi – kém tuổi, chẳng hạn đao phủ Bát Lê khi nói chuyện với vị Quan Lớn lại xưng là **con** dù tuổi tác đã cao, mà lí do cho lối xưng hô kì lạ này là do địa vị xã hội khác nhau của hai nhân vật.

c. Các biểu thức chiếu vật thể hiện thái độ, tình cảm của các đối tượng giao tiếp

Không chỉ có tác dụng chiếu vật, những biểu thức tên riêng còn có vai trò hết sức quan trọng là thể hiện thái độ và tình cảm của đối tượng được nhắc đến, thể hiện rõ nhất qua sự thay đổi đại từ xưng hô trong cuộc giao tiếp của hai đối tượng. Sự biến chuyển giữa các biểu thức chiếu vật nhân xưng còn thể hiện thái độ, tình cảm của người nói đối với nhân vật được nhắc đến trong cuộc hội thoại, chẳng hạn như trong *Đánh thơ*, các nhân vật là quan lại, thầy thừa phát khi nhắc đến nhân vật ông Phó Sứ – nhà cái của những cuộc thả thơ hay có tiếng, họ gọi nhân vật này là **lão**, cũng giống như **hắn** hay **y**, là từ xưng hô thể hiện vị thế ngang hàng hoặc thậm chí là dưới cấp, cũng thể hiện thái độ của người nói là không đặt sự kính nể, kính trọng vào nhân vật này.

Nhà văn, trong quá trình tường thuật câu chuyện cũng thực hiện xưng hô với nhân vật, đồng thời thể hiện thái độ, tình cảm với nhân vật thông qua cách gọi tên. Trong tiếng Việt nói riêng và văn hoá của người Việt nói chung, việc gọi đầy đủ danh xưng của một người được coi là một hành động thể hiện thái độ tôn trọng, kính trọng; có thể thông qua điều này thấy rõ được nhà văn mong muốn thể hiện tình cảm với những nhân vật là những bậc anh tài nhưng sa cơ thất thế như Huân Cao trong *Chữ người tử tù*, như ông Sáu trong *Những chiếc áo đất* bởi khi nhắc đến họ, nhà văn luôn đi kèm danh từ chung đằng trước như **ông Huân Cao**, **ông Huân**, **ông Sáu**, **ông cụ Sáu**, trong khi đối với những kiểu nhân vật khác như đao phủ Bát Lê, ông chỉ sử dụng độc mỗi tên riêng là *Bát Lê* để chiếu vật nhân vật.

2.2.3. Xét trên bình diện nghệ thuật

a. Các biểu thức chiếu vật tạo sự liên kết về chủ đề cho văn bản

Việc tạo lập và tiếp nhận văn bản vốn không thể tách rời khỏi tính liên kết – một trong những yếu tố quan trọng tạo nên tính mạch lạc cho một văn bản.

Đối với chiếu vật – một hiện tượng quy chiếu giữa từ và sự vật trong thực tế khách quan, giữa các sự kiện trong diễn ngôn, bởi vậy mà các biểu thức chiếu vật cũng là một trong những phương thức tạo liên kết cho văn bản, chính là sử dụng phương thức đồng chiếu vật tương tự như phép thế để liên kết. Đây là một kế hoạch chiếu vật đầy tinh xảo của nhà văn nhằm phác họa hay gửi gắm thái độ, tình cảm của bản thân về đối tượng được chiếu vật. Cùng một đối tượng ấy, bất kể thuộc phạm trù “kì vật”, “kì tài” hay “kì nhân”, nhà văn đều sử dụng liên tiếp rất nhiều biểu thức khác nhau trong cùng một tác phẩm để nhắc đến đối tượng; mà ở mỗi một biểu thức, người đọc lại thu thập được thêm thông tin mới về đối tượng – giống như được chứng kiến một bức tranh chân dung được hoàn thành từng nét một ngay trước mắt. Đặc biệt, đối với “kì nhân”, xuất thân khác nhau, địa vị khác nhau, nhưng nhìn chung đều có giống nhau ở một điểm: họ đều là những bậc trí thức,

những bậc tài tử đang đứng bên bờ lụi tàn của thời đại, đi cùng với “*kì vật*” và “*kì tài*” họ đại diện cho. Để diễn tả được ý nghĩa này, tác giả đã sử dụng một số lượng rất lớn những biểu thức đồng chiếu vật để lột tả chính xác nhất, thật nhất hình ảnh con người dưới góc nhìn của một thời còn vang bóng.

Với số lượng lớn những biểu thức đồng chiếu vật như vậy xuất hiện, nội dung trong một tác phẩm có thể liên kết với nhau tạo ra sự mạch lạc và thống nhất thông qua phép lặp. Không chỉ sử dụng nhiều biểu thức chiếu vật cho cùng một đối tượng, Nguyễn Tuân còn lặp lại một biểu thức nhiều lần suốt tác phẩm. Những biểu thức được lặp lại này đều thuộc phương thức chiếu vật bằng tên riêng hoặc bằng đại từ nhân xưng / phẩm chỉ. Chẳng hạn như trong tác phẩm *Chém treo ngành*, để chiếu vật nhân vật đao phủ, Nguyễn Tuân đã sử dụng những biểu thức *Bát Lê*, *ông Bát Lê*, *lão Lê*, *ông Bát* và *ông Bát phẩm Lê* với số lần lặp lại 1 biểu thức nhiều nhất là 22 lần trong cả tác phẩm. Ngược lại, đối với những biểu thức chiếu vật miêu tả, số lượng tuy nhiều nhưng chúng đều chỉ xuất hiện duy nhất một lần. Điều này cho thấy quy tắc sử dụng phương thức chiếu vật đầy tinh tế và cẩn thận của Nguyễn Tuân: đa số sử dụng phép lặp bằng cách lặp lại một biểu thức nhiều lần để giúp người đọc nắm được nhân vật và sự kiện trong tác phẩm một cách dễ dàng, chỉ thay đổi sang phép thể ở những vị trí đặc biệt nhằm bổ sung thêm thông tin về đối tượng hoặc để thể hiện dụng ý nghệ thuật đặc biệt: chẳng hạn như xuyên suốt *Chém treo ngành*, nhà văn đều chiếu vật nhân vật đao phủ bằng biểu thức *Bát Lê*, nhưng đến đoạn tập chém, ông lại chuyển qua biểu thức in đậm sau: “*Vườn chuối trên mặt thành vốn mọc không có hàng lối nhất định. Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối mọc theo hàng lối thẳng thắn.*” vừa nhằm tiết lộ thông tin về chức vụ nghề nghiệp (quan bát phẩm) của nhân vật, vừa nhằm thể hiện sự chuyên nghiệp của nhân vật trong việc lựa chọn hàng cây thẳng hàng giống với đám tù nhân nhất để tập chém hiệu quả.

Như vậy có thể thấy, việc đan xen các phép lặp và phép thể nhờ những biểu thức chiếu vật tạo ra sự liên kết rất chặt chẽ cho toàn bộ tác phẩm từ những chi tiết nhỏ nhất. Đây cũng đồng thời là yếu tố quan trọng đóng góp vào việc biểu hiện chủ đề tác phẩm: sự trác tuyệt, hoàn mỹ của một thời đã qua. Kết cấu của *Vang bóng một thời* hẳn không phải là điều tác giả đã tập trung, bởi chúng khá lỏng lẻo, không có nhiều biến cố và xung đột hay sự giằng xé nội tâm cốt để gửi gắm một thông điệp nào đó như ta thường thấy trong thể loại truyện ngắn. Ông chủ yếu miêu tả tỉ mỉ cách tài năng và sở thích của con người, như thể con người chỉ là cái cớ để nhà văn bộc lộ những cảm xúc chủ quan của mình, bởi vậy mà trong mỗi một nhân vật đều có một mảnh ghép của Nguyễn Tuân, đều là những hoá thân của ông – là những con người tài hoa, họ sống vì cái đẹp và cái tài, sống với một cá tính độc đáo, cao ngạo, tự đắc với đời.

b. Các biểu thức chiếu vật thể hiện nghệ thuật sử dụng ngôn từ

Đọc văn của Nguyễn Tuân, ta thấy ở ông không chỉ một kho tàng tri thức vốn sống, mà còn cả một kho tàng ngôn từ hết sức phong phú. Nhờ thế, Nguyễn Tuân đã đưa người đọc qua từ bất ngờ này đến bất ngờ khác xuyên suốt cả tập truyện *Vang bóng một thời* bằng cách “lạ hoá” ngôn từ đầy thú vị, như một lối chơi độc đáo không ai có thể bắt chước được. Bắt nguồn từ tình yêu và niềm say mê với ngôn ngữ dân tộc, bởi vậy mà lúc sử dụng từ ngữ, ông rất ít khi lặp lại từ mà luôn đổi mới, luôn sử dụng rất nhiều những biểu thức ngôn ngữ khác nhau chỉ để chỉ xuất đến một đối tượng, các cụm từ được sử dụng cũng rất đặc biệt: ông gọi lưỡi mai là *bút chì* (*Ném bút chì*), gọi lối đánh bạc bằng thơ là *thả thơ*, đánh

thơ, cuộc đồ đen rất tri thức, cái truy hoan của thiên hạ (Thả thơ, Đánh thơ), gọi lỗi chém đầu người độc nhất vô nhị của Bát Lê là *chém treo ngành*, *lỗi cặp gấp chả chim...* (Chém treo ngành), v.v. Đi sâu hơn vào những biểu thức ông đã sử dụng, có thể thấy cách ông viết rất độc đáo, rất kì lạ: ông gọi một ông thầy đồ già là *một ông già gần kề miệng lỗ* (Thả thơ), gọi một cô gái hay đệm tiếng đàn tơ cho buổi thả thơ là *một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng tơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đó chữ lấy tiền* (Thả thơ), v.v. Có thể thấy, lối diễn đạt của ông thiên rất nhiều về lối hình tượng hoá, bởi vậy mà lớp từ ngữ được ông sử dụng để miêu tả rất phức tạp, cầu kì, cũng là lối viết tân kì siêu thực đã được rất nhiều những nhà phê bình đánh giá cao, trở thành một trường phái chỉ riêng Nguyễn Tuân làm chủ, không vay mượn, không chịu ảnh hưởng từ bất cứ ai.

Các biểu thức đồng chiếu vật còn có thể sử dụng những biện pháp tu từ hoán dụ hay ẩn dụ, chẳng hạn như cụm từ in đậm trong “*Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mỡ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.*” (Chữ người tử tù) là cụm hoán dụ để chỉ nhân vật tài hoa Huân Cao khi đứng trước sự lụi tàn của sự sống và những giá trị tốt đẹp xưa cũ; cách dùng này không chỉ tăng tính gợi hình, gợi cảm, mà còn giống như một chi tiết ẩn đầy thú vị, càng khiến cho sự hiểu biết về bối cảnh tác phẩm, ngữ cảnh diễn ngôn và khả năng liên kết mạch lạc của người đọc càng trở nên quan trọng.

3. KẾT LUẬN

Qua việc tìm hiểu về đặc điểm cấu tạo của những biểu thức chiếu vật theo ba phương thức chính – tên riêng, biểu thức miêu tả và chỉ xuất xưng hô – có thể thấy đa số chúng đều có đặc điểm phức tạp về cấu tạo và cả chức năng, số lượng yếu tố miêu tả xuất hiện trong một biểu thức (trừ phương thức chỉ xuất nhân xưng) cũng rất đa dạng. Kết quả này cho ta thấy rằng: khả năng ngôn từ của Nguyễn Tuân vô cùng linh hoạt, nhạy bén, lợi dụng độ phức tạp của biểu thức để phô diễn tài năng ngôn từ của mình. Biểu thức chiếu vật không chỉ có chức năng biểu nghĩa, còn là nơi để nhân vật – người đọc – nhà văn kết nối và bày tỏ thái độ, tình cảm, hơn nữa còn là yếu tố vô cùng quan trọng góp phần thể hiện đề tài quá khứ – dĩ vãng và thể hiện cả phong cách ngôn từ của riêng Nguyễn Tuân, một nhà văn đặc biệt, có nhiều trải nghiệm và góc nhìn phong phú, sâu sắc, nhờ vậy mà kho tàng ngôn từ của ông hết sức đa dạng, góp phần không nhỏ vào nền văn học nước nhà đồ sộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2 – Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hồng Hà (2002), Nguyễn Tuân: Nghề văn – Nghề chữ, *Tạp chí KHXH&NV*, số 29, ĐHSP TP. HCM.
3. Thụy Khuê (© Copyright Thụy Khuê 2003) “Thi pháp Nguyễn Tuân”. <http://thuykhue.free.fr/stt3/nguyentuan.html>, cập nhật ngày 19.2.2013.
4. Lê Nguyên (9/2014), *Nguyễn Tuân – nhà văn của hình dung từ*, Tiểu luận phê bình, phần 4, cập nhật ngày 25/7/2022.
5. Nguyễn Tuân (1968), *Vang bóng một thời*, Nxb Trường Sơn.
6. Nguyễn Quách Thanh Thủy (2008), *Biểu thức miêu tả chiếu vật: nét độc đáo về phong cách ngôn ngữ nghệ thuật trong sáng tác Nguyễn Tuân*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

**THE VALUE OF THE REFERENTIAL EXPRESSIONS “KÌ VẬT”,
“KÌ TÀI” – “KÌ NHÂN” IN THE SHORT STORY COLLECTION
"VANG BÓNG MỘT THỜI" BY NGUYỄN TUÂN**

Abstract: *The article uses the Reference Theory from Pragmatics to examine the referential symbolic expressions "kì vật", "kì tài", "kì nhân" in the short story collection Vang bóng một thời by Nguyễn Tuân. The research findings show that the collection uses 293 referential expressions with three main methods: proper name references, descriptive references, and references using pronouns. From the research results, it can be seen that in order to bring the old beauties into the pages of his writing, Nguyễn Tuân employed a variety of referential expression methods with a rich and innovative vocabulary. These referential expressions make the once-glorious ancient culture vividly appear from different perspectives, creating a perfect, noble world that nostalgically yearns for the fading beauty. Moreover, these referential expressions also reflect Nguyễn Tuân's unique, skillful use of language.*

Keywords: *Referent expressions, pragmatics, Vang bong mot thoi.*